

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 31/05/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Hữu Thành.
- Ông Vũ Xuân Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thắm – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
bà Trần Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 05 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/HSST ngày 26/4/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS ngày 17/5/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TVH**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 03 năm 1980, tại: UH, TP. Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Hộ khẩu thường trú (HKTT): thôn ĐG, HP, UH, TP. Hà Nội; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông: Trần Văn T (đã chết); Con bà: Lê Thị M, sinh năm 1952; Vợ Trương Thị X, sinh năm 1980; 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2003 TAND tỉnh Hà Tây (nay là TAND thành phố Hà Nội) xử phạt 09 năm tù về tội Cướp tài sản; Năm 2011 bị TAND huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Năm 2013 bị TAND huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xử phạt 31 tháng 09 ngày tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12 tháng 02 năm 2023 đến nay tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Lạc Thủy. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người Bị hại:** chị Phạm Thị M, sinh năm 1987, HKTT: 155 NLT, XPh, thành phố H, tỉnh TTH; Hiện trú tại: KĐ, thị trấn BHD, huyện LThy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh MTT, sinh năm 1997; Anh BNH, sinh năm 1983; Anh TDH, sinh năm 1985; Chị ĐTM, sinh năm 1983; Chị NTN, sinh năm 1987; Anh BNK, sinh năm 1987; Chị BKL, sinh năm 2000; Anh LXP, sinh năm 1981; Anh BVĐ, sinh năm 1981. Đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: KĐ, thị trấn BHD, huyện LThy, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa - nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TVH là đối tượng có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp ổn định nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài.

Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 12/02/2023, TVH rủ người đàn ông tên Tr (Không rõ địa chỉ, lai lịch) là đối tượng nghiện, làm nghề lái xe ôm tại khu vực ngã ba đầu đê HX, UH, TP. Hà Nội đến địa bàn huyện LThy, tỉnh Hòa Bình để trộm cắp tài sản thì Tr đồng ý. Sau đó Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen, H ngồi sau mang theo một súng bắn điện tự chế bằng mũi tên, đầu mũi tên gắn cố định với 02(hai) thanh kim loại đầu nối với dây điện, 01(một) bình ắc quy 12V gắn 01(một) kích điện) đến địa bàn huyện LThy tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi cả hai đến khu vực KĐ, BHD, LThy, Hòa Bình lúc này khoảng 19 giờ 50 phút, phát hiện trước bàn đá trước cửa nhà chị PTM đang xích 01(một) con chó cái, Tr dừng xe ở lề đường Hồ Chí Minh hướng Chợ Bến đi Yên Thủy để chờ và canh giới còn TVH cầm theo súng bắn điện tự chế đến gần và bắn vào vùng cổ con chó làm con chó bị ngất. Thấy vậy, H tháo xích cổ con chó và ôm ra xe Tr để tẩu thoát. Lúc này chị ĐTM là hàng xóm của gia đình chị PTM phát hiện, hô hoán, thì quần chúng nhân dân và Công an thị trấn BHD, huyện LThy truy đuổi bắt giữ được TVH cùng tang vật của vụ án, còn đối tượng Tr điều khiển xe mô tô tẩu thoát khỏi hiện trường.

Cáo trạng số 13/CT-VKSLT ngày 24/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo TVH về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

*** Tại phiên tòa:**

- TVH thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng VKS truy tố.
- Chị PTM đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường và chị đề nghị xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật.
- Đại diện VKSND huyện Lạc Thủy thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo TVH về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm s, h khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo TVH từ 6 đến 9 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên đề nghị không đề cập.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS Tịch thu tiêu hủy các vật chứng liên quan đến việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng: 01(một) mũ bảo hiểm xe máy; 01 (một) gương chiếu hậu xe mô tô; 01 (một) bộ dụng cụ súng bắn điện tự chế (gồm 01(một) bình ác quy có gắn dây điện, 01(một) bóng súng bằng gỗ, 01(một) đầu súng bằng gỗ có gắn 02(hai) đinh nhọn).

- Lời nói sau cùng: Bị cáo án năn hối lỗi, nhận ra hành vi vi phạm pháp luật xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạc Thủy, Điều tra viên; VKSND huyện Lạc Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ khẳng định:

Khoảng 19 giờ 50 phút, phát hiện trước bàn đá trước cửa nhà chị PTM tại KM, thị trấn BHD, huyện LThy, tỉnh Hòa Bình đang xích một con chó. Tr cảnh giới, còn TVH cầm theo súng bắn điện tự chế đến gần và bắn vào vùng cổ con chó làm con chó bị ngất, H tháo xích cổ con chó và ôm ra xe Tr đã chờ sẵn để tẩu thoát thì bị phát hiện và bắt giữ được TVH cùng tang vật, còn Tr điều khiển xe mô tô tẩu thoát.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Thủy, Hòa Bình xác định con chó cái, 4 năm tuổi màu lông nâu đỏ nặng 33kg có giá trị là: 3.047.000đ (*Ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

[3]. Về tội danh và hình phạt: Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo cấu thành tội

“Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy truy tố bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS): Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 BLHS. Những tình tiết giảm nhẹ này là căn cứ để HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: Năm 2003 TAND tỉnh Hà Tây (nay là TAND thành phố Hà Nội) xử phạt 09 năm tù về tội Cướp tài sản; Năm 2011 bị TAND huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Năm 2013 bị TAND huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xử phạt 31 tháng 09 ngày tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã được xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

HĐXX xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, đã trực tiếp xâm phạm một cách trái pháp luật đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về Trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu bồi thường nên HĐXX không đề cập.

Đối với thương tích của TVH xảy ra khi bị quần chúng nhân dân bắt giữ: Bị cáo không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5]. Hình phạt bổ sung: Đề nghị của Đại diện VKSND tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Vật chứng của vụ án: Đề nghị của Đại diện VKSND tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Quá trình điều tra xác định con chó do H trộm cắp là tài sản hợp pháp của chị PTM, việc xử lý vật chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu. HĐXX cho là có căn cứ.

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên Tr cùng đi trộm cắp tài sản với H và chiếc xe mô tô có đặc điểm như bị cáo TVH khai nhận. Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa xác định được tên, tuổi đối tượng nên không có căn cứ để xử lý. Cơ

quan CSĐT tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. HĐXX cho là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo được tuyên theo quy định tại Điều 331 BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố: Bị cáo TVH phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s, h khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo TVH 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/2/2023.

2. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy: 01(một) mũ bảo hiểm xe máy; 01 (một) gương chiếu hậu xe mô tô (gương bên phải); 01 (một) bộ dụng cụ súng bắn điện tự chế (gồm 01(một) bình ác quy; 01(một) báng súng bằng gỗ; 01(một) đầu súng bằng gỗ có gắn 02(hai) đinh nhọn).

(Toàn bộ số vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/2/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình)

3. Về án phí:

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo TVH phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình; VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy; công an huyện;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có QL.NVLQ;
- Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS Lạc Thủy;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thái Hùng Dũng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các

ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng

mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

*** Vật chứng+ Xử lý người bán ma túy không rõ nguồn gốc + Xử lý vật chứng không rõ:**

Đối với người đàn ông tên Nguyễn Hữu Đ1, sinh năm 1986 ở thôn Đ, xã Ch, huyện V, tỉnh H, là người bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo. Cơ quan điều tra đã triệu tập Đ1 đến làm việc nhưng Đ1 không có mặt tại địa Ph do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành đã tách các tài liệu liên quan đến Nguyễn Hữu Đ1 để xem xét xử lý sau là phù hợp.

Đối với Đỗ Văn Ph là người đã sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Đ, Đ khai Ph đã đưa tiền cho Đ đi mua ma túy về sử dụng. Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã tiến hành cho Đ và Ph đối chất nhưng Ph không thừa nhận việc đã đưa tiền cho Đ để đi mua ma túy. Ph chỉ thừa nhận việc sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Đ tại nhà của Đ như đã nêu trên. Vì vậy Công an huyện Thuận Thành đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Ph về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

Đối với số điện thoại 0868417431 mà Đ khai nhận đã gọi đến để mua ma túy. Quá trình điều tra xác định số điện thoại trên là của Phùng Văn Th, sinh năm 1987 ở xã Ch, huyện V, tỉnh H. Tại Cơ quan điều

tra anh Th trình bày: Cách đây hai năm anh cho một người đàn ông tên Nguyễn Hữu Đ1, sinh năm 1986 ở thôn Đ, xã Ch, huyện V, tỉnh H (là bạn quen biết xã hội) mượn chứng minh nhân dân số 145307734 của anh để đăng ký số điện thoại. Sau đó, Đ1 đăng ký số điện thoại nào thì anh Th không biết. Anh Th xác nhận anh không sử dụng số điện thoại trên, bản thân anh cũng không biết ai sử dụng số điện thoại trên và anh không bán ma túy cho ai nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô Wave màu trắng BKS 99F1 - 322.69 là chiếc xe Đ sử dụng để đi mua ma túy. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên Đ mượn của ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975, trú tại Xóm Ng, xã G, huyện Th, tỉnh B (là bố vợ của Đ). Bản thân ông S không biết Đ mượn xe trên của ông để đi mua ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành đã trả lại cho anh S là phù hợp.

*** TỔNG HỢP HÌNH PHẠT KHI BỊ CÁO PHẠM TỘI MỚI:**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 147/2023/HS-ST (ở Phai trộm cắp
TK1)

Ngày 28-09-2023.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS- ST ngày 07-01-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt D10 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản được trừ đi 6 ngày tạm giữ (bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 9 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy khi xét xử D đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 và khoản 2 điều 56 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 20-02-2023 đến ngày 18-06-2023 bị bắt tạm giữ. Do đó thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của D được tính từ ngày 20-02-2023 đến ngày 17-06-2023 là 3 tháng 28 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của D còn lại 5 tháng 14 ngày chuyển đổi thành 01 tháng 24 ngày tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 1 ngày tù và được tổng hợp với hình phạt của bản án này để quyết định hình phạt chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 ; Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy D phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt:

bị cáo Nguyễn Huy D 12 (mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành là 01 tháng 24 ngày tù về tội trộm cắp tài sản tại ban an hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 07-01-2023 của

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình buộc bị cáo phải chấp

hành hình phạt chung của hai bản án là 13 tháng 24 ngày tù; thời hạn chấp hành

hình phạt chung được tính từ ngày bắt tạm giữ 18-06-2023.

Phạt bổ sung 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với bị cáo Nguyễn Huy D để sung quỹ Nhà nước.

Xác định tiền sự thế nào cho đúng !?

HUỲNH MINH KHÁNH (TAND huyện Cái Bè, Tiền

Giang) - *Xác định tiền sự cho đúng để bảo đảm phán quyết của Tòa án được đúng đắn, khách quan và công bằng. Vấn đề này trong thực tế cũng nảy sinh những nhận thức khác nhau.*

26 tháng 11 năm 2023 15:07 GMT+7 2 Bình luận

1. Một tình huống cụ thể

Ngày 06/3/2015, do thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức xử lý hình sự nên chính quyền địa phương đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC, để xử phạt đối với Nguyễn Văn Thiện với mức phạt 500.000 đồng.

Đến ngày 24/8/2016, Thiện tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã bị Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh ĐT xét xử với mức án là 06 tháng tù, trong bản án này đã xác định bị cáo Thiện không có tiền sự. Sau đó, bị cáo Thiện kháng cáo xin được hưởng án treo thì bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT đã xác định bị cáo Thiện có một tiền sự nên án sơ thẩm xét xử đã có lợi cho bị cáo và TAND tỉnh ĐT đã tuyên y án sơ thẩm và Thiện đã chấp hành xong bản án vào ngày 16/4/2018.

Ngày 12/01/2019, Thiện lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô trị giá 3 triệu đồng tại huyện C, tỉnh T.

Khi ban hành cáo trạng để truy tố bị cáo thì Viện kiểm sát huyện C đã xác định bị cáo Thiện có một tiền sự (theo quan điểm của TAND tỉnh ĐT). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ

thẩm vụ án này đã xác định bị cáo Thiện không có tiền sự (theo quan điểm của TAND huyện TM).

2. Thế nào là có tiền sự

Khoản 1, Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính đã quy định các trường hợp được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính để làm xác định tiền sự như sau:

Một là, Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo.

Hai là, Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính nếu trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác (khác quyết định xử phạt cảnh cáo)

Ba là, Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính nếu hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Trong trường hợp này, bị cáo Thiện không có chấp hành đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên chỉ có thể áp dụng trường hợp thứ ba để xem xét bị cáo Thiện có tiền sự hay không.

Các yếu tố để xác định bị cáo Thiện không có tiền sự trong trường hợp này bao gồm: hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và không tái phạm:

Bị cáo Thiện bị xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 06/3/2015, đến ngày 24/8/2016, bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản và đã được hai cấp TAND tỉnh ĐT xét xử bị cáo. Sau khi ra quyết định xử phạt, Cơ quan có thẩm quyền cũng không tiến hành cưỡng chế thi hành án đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành nên không thể cho rằng người vi phạm cố tình trốn tránh, trì hoãn để được tính thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Như vậy, căn cứ vào Điều 74 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này đã hết thời hiệu.

Mặt khác, căn cứ vào khoản 1, Điều 53 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý”. Áp dụng tương tự pháp luật thì tái phạm trong trường hợp vi phạm hành chính được hiểu là trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm hành chính. Trường hợp này, bị cáo Thiện vi phạm hành chính và bị xử phạt vào ngày 06/3/2015 và đã được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 07/3/2016. Việc bị cáo Thiện phạm tội vào ngày 24/8/2016 không được xem là bị cáo tái phạm trong vi phạm hành chính.

Sở dĩ, quan điểm của Viện Kiểm sát huyện C và TAND tỉnh ĐT xác định bị cáo Thiện có tiền sự là vì họ đã đánh đồng quan điểm không chấp hành quyết định xử phạt với việc cố tình trốn tránh, trì hoãn việc thi hành quyết định xử phạt để tính thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính lại. Điều này là không chính xác bởi vì sau khi ra quyết định xử phạt nếu người vi phạm không chấp hành thì Cơ quan có thẩm quyền có quyền cưỡng chế thi hành đối với bị cáo nhưng trong trường hợp này, Cơ quan có thẩm quyền đã không tiến hành cưỡng chế là chưa

làm hết trách nhiệm của mình nên không thể khẳng định bị cáo cố tình trốn tránh, trì hoãn việc thi hành quyết định xử phạt.

Từ những phân tích trên có cơ sở vững chắc để xác định rằng bị cáo Thiện không có tiền sự theo như quan điểm của TAND huyện TM, tỉnh ĐT và TAND huyện C, tỉnh T. Rất mong nhận được ý kiến trao đổi của bạn đọc.

*** Vướng mắc trong việc xác định tiền án**

Người gửi: Nguyễn Thị Lan Phương

Ngày 04/9/2012, Nguyễn Văn A bị Tòa án huyện C phạt 3 tháng tù về tội đánh bạc và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ. A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án tỉnh Đ sửa án, phạt 9 tháng cải tạo không giam giữ (đã chấp hành xong). Ngày 06/3/2018, A bị khởi tố về tội đánh bạc. Qua xác minh việc thi hành án thì Tòa án C không chuyển Bản án cho cơ quan thi hành án dân sự nên không ra quyết định thi hành khoản án phí chủ động 200.000đ đối với A (A không cố tình trốn tránh). Ngày 30/8/2018, Tòa án C mới chuyển Bản án cho cơ quan thi hành án dân sự. Ngày 31/8/2018, A đến cơ quan thi hành án dân sự nộp 200.000đ APHSST/2012. Ngày 05/9/2019, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành (xong). Theo Điều 60 BLHS năm 2015 thì bản án đã hết hiệu lực thi hành; theo khoản 3 Điều 70 BLHS năm 2015 đương nhiên được xóa án tích; Nghị quyết 01/2007/NQ-HĐTP hướng dẫn Điều 55 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về thời hiệu thi hành bản án đối với quyết định hình phạt, còn các quyết định khác về tài sản, bồi thường...và án phí...thì việc xác định thời hiệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự nhưng Luật Thi hành án dân sự năm 2014 và Nghị định 62/CP không quy định thời hiệu đối với khoản thi hành án chủ động (án phí). Do thấy có sự xung đột của pháp luật và có nhiều quan điểm khác nhau trong việc xác định tiền án của A, để có cơ sở giải quyết vụ án đúng pháp luật, rất mong có ý kiến giải đáp của quý cơ quan. Xin cảm ơn.

Câu trả lời

Ngày xét xử sơ thẩm là 04/9/2012 nhưng không đề cập ngày xét xử phúc thẩm để tính thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật và chấp hành bản án. Theo Điều 64 và Điều 67 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), chấp hành xong hình phạt gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung và các quyết định khác thì đương nhiên được xóa án tích (Khoản 3 Điều 67). Tuy nhiên, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định những trường hợp đương nhiên được xóa án tích (Điều 70) và cách tính thời hạn để xóa án tích (Điều 73) thì thời hạn để tính xóa án tích căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên. Do đó, trong trường hợp này, A được hưởng tình tiết có lợi hơn quy định tại BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nếu từ khi A chấp hành xong hình phạt chính là cải tạo không giam giữ, chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn 01 năm thì A đương nhiên được xóa án tích.